

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 146/2025/TT-BQP

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không và thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (sau đây viết gọn là phương tiện bay) thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân người Việt Nam và nước ngoài tại Việt Nam có hoạt động đào tạo cấp Giấy phép điều khiển phương tiện bay; nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập; nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng; kinh doanh phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay; cấp phép bay; quản lý hoạt động bay đối với phương tiện bay.

2. Không áp dụng đối với hoạt động đào tạo cấp giấy phép điều khiển phương tiện bay; nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập; nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng; kinh doanh phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quản lý không phận UTM là hệ thống quản lý giao thông cho phương tiện bay không người lái (UAV) trong không phận tầm thấp.
2. VLOS là việc điều khiển UAV mà người điều khiển phải luôn giữ được tầm nhìn trực tiếp với UAV trong suốt chuyến bay (điều khiển cơ bản).
3. BVLOS là việc điều khiển UAV mà người điều khiển không thể nhìn thấy UAV bằng mắt thường (điều khiển nâng cao).

Chương II

NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH CƠ BẢN ĐÀO TẠO VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG VÀ THỰC HÀNH ĐIỀU KHIỂN TÀU BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI VÀ PHƯƠNG TIỆN BAY KHÁC

Điều 4. Nội dung cơ bản

1. Pháp luật quy định về phương tiện bay.
2. Kiến thức hàng không cơ bản và nguyên lý bay.
3. Hệ thống tàu bay phương tiện bay; trang bị, thiết bị đồng bộ.
4. Vận hành an toàn và quy trình bay.
5. Khí tượng và môi trường bay.
6. Quản lý không phận và UTM cơ bản.

7. Kỹ năng điều khiển cơ bản (VLOS).
8. Thực hành nhiệm vụ VLOS nâng cao.
9. Kỹ năng điều khiển nâng cao (BVLOS).
10. Nhận biết và quản lý các mối đe dọa.
11. Kỹ năng xử lý tình huống bất thường.

Điều 5. Phân phối chương trình

1. Tổng thời gian đào tạo: Theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.
2. Đào tạo lý thuyết: Từ (25 đến 50)% tổng thời gian.
3. Đào tạo thực hành: Từ (40 đến 65)% tổng thời gian.
4. Ôn tập, kiểm tra và sát hạch cuối khóa: 10% tổng thời gian.

Chương III

PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ TÀU BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI VÀ PHƯƠNG TIỆN BAY KHÁC

Điều 6. Phân cấp giải quyết thủ tục hành chính chấp thuận điều kiện nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay cho Cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng

1. Thực hiện nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (sau đây viết gọn là Nghị định số 288/2025/NĐ-CP):

a) Chấp thuận đủ điều kiện về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn đủ điều kiện bay đối với hoạt động nhập khẩu phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay (tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này);

b) Chấp thuận đủ điều kiện về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn đủ điều kiện bay đối với hoạt động tạm nhập tái xuất phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay;

c) Chấp thuận đủ điều kiện về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn đủ điều kiện bay đối với hoạt động tạm xuất tái nhập phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay.

2. Thừa nhận tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với phương tiện bay; công nhận kết quả đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Bộ quốc phòng ban hành hoặc công nhận do tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

4. Trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Phân cấp giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay cho Tổng cục Công nghiệp quốc phòng

1. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

2. Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

3. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

4. Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp cấp mới theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP;

b) Trường hợp cấp đổi, cấp lại theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

5. Trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 11 hoặc khoản 3 Điều 12 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

6. Cơ quan, đơn vị phối hợp:

a) Cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng thuộc Bộ Tổng Tham mưu;

b) Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Điều 8. Phân cấp giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay cho Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố

1. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

2. Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

3. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

4. Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp cấp mới theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP;

b) Trường hợp cấp đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác;

c) Trường hợp cấp lại theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

5. Trình tự thủ tục

a) Trường hợp cấp mới theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP;

b) Trường hợp cấp đổi, cấp lại theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

6. Cơ quan, đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, thành phố.

7. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Phân cấp giải quyết thủ tục hành chính cấp phép bay đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay khác cho Cục Tác chiến, Bộ Tư lệnh các quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh

1. Cục Tác chiến cấp phép bay đối với hoạt động bay trong vùng trời, vùng thông báo bay của Việt Nam.

2. Bộ Tư lệnh quân khu cấp phép bay đối với hoạt động bay có độ cao nhỏ hơn 120 mét so với địa hình thuộc địa bàn của quân khu; hoạt động bay có độ cao nhỏ hơn 50 mét so với địa hình trong phạm vi từ 02 tỉnh, thành phố trở lên thuộc địa bàn của quân khu (không bao gồm khu vực cấm bay, hạn chế bay tại cảng hàng không, sân bay).

3. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội cấp phép bay đối với hoạt động bay có độ cao nhỏ hơn 120 mét so với địa hình, trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội (không bao gồm khu vực cấm bay, hạn chế bay tại cảng hàng không, sân bay).

4. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết gọn là Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh) cấp phép bay đối với hoạt động bay có độ cao nhỏ hơn 50 mét so với địa hình, trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh (không bao gồm khu vực cấm bay, hạn chế bay tại cảng hàng không, sân bay).

5. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

6. Trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

7. Phối hợp cấp phép bay theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

8. Cơ quan, đơn vị phối hợp:

a) Công an tỉnh (thành phố) nơi có hoạt động bay được cấp phép;

b) Cục Hàng không Việt Nam đối với hoạt động bay được cấp phép có ảnh hưởng đến hoạt động khai thác hàng không dân dụng hoặc Trung tâm quản lý luồng không lưu thuộc Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam (trong trường hợp được Cục Hàng không Việt Nam ủy quyền).

Điều 10. Phân cấp hủy bỏ phép bay

1. Cục Tác chiến hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần phép bay do Cục Tác chiến và Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh cấp.

2. Bộ Tư lệnh quân khu hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần phép bay do Bộ Tư lệnh quân khu và Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh thuộc quyền cấp.

3. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần phép bay do Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội cấp.

4. Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần phép bay do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh cấp.

Điều 11. Phân cấp giám sát, quản lý khu vực bay

1. Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh chỉ đạo chủ trì quản lý, giám sát, dự báo, thông báo và hiệp đồng đối với hoạt động bay có độ cao dưới 120 mét so với địa hình; phối hợp giám sát, quản lý hoạt động bay có độ cao lớn hơn 120 mét so với địa hình trên địa bàn tỉnh.
2. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội chỉ đạo chủ trì quản lý, giám sát, dự báo, thông báo và hiệp đồng đối với hoạt động bay có độ cao dưới 200 mét so với địa hình; phối hợp giám sát, quản lý hoạt động bay có độ cao lớn hơn 200 mét so với địa hình trên địa bàn thành phố Hà Nội.
3. Bộ Tư lệnh quân khu chỉ đạo chủ trì quản lý, giám sát, dự báo, thông báo và hiệp đồng đối với hoạt động bay có độ cao bay từ 120 mét đến dưới 200 mét so với địa hình; hoạt động bay trong phạm vi từ 02 tỉnh (thành phố) trở lên trong địa bàn quân khu; phối hợp giám sát, quản lý hoạt động bay có độ cao lớn hơn 200 mét so với địa hình trên địa bàn quân khu.
4. Trung tâm Quản lý điều hành bay khu vực thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân chủ trì quản lý, giám sát, dự báo, thông báo và hiệp đồng bay trên cơ sở phối hợp thống nhất với các đơn vị, cơ quan liên quan đến quản lý vùng trời, quản lý điều hành bay trong khu vực, cơ sở điều hành bay hàng không dân dụng liên quan đối với hoạt động bay có độ cao bay bằng hoặc lớn hơn 200 mét so với địa hình và trong khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay tại cảng hàng không, sân bay; phối hợp giám sát, quản lý hoạt động bay có độ cao nhỏ hơn 200 mét so với địa hình trong khu vực nhiệm vụ.
5. Hoạt động bay trong vùng trời trên các đảo, quần đảo, nhà giàn thuộc chủ quyền của Việt Nam không nằm trong khu vực lân cận sân bay, đường hàng không có hoạt động bay quân sự, hàng không dân dụng do Quân chủng Phòng không - Không quân chủ trì, phối hợp với Quân chủng Hải quân và các đơn vị có liên quan trong khu vực quản lý, giám sát, dự báo, thông báo và hiệp đồng bay.
6. Trường hợp thiết lập vùng trời, cấp phép bay cho thử nghiệm và khai thác, sử dụng phương tiện bay hoạt động ở nhiều khu vực khác nhau, nhiều độ cao khác nhau do Quân chủng Phòng không - Không quân chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong khu vực có hoạt động bay quản lý, giám sát, dự báo, thông báo và hiệp đồng bay.
7. Hoạt động bay trong vùng trời khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay do đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay và đơn vị liên quan được chỉ định trong phép bay quản lý, giám sát, dự báo, thông báo bay và hiệp đồng.

Điều 12. Phân cấp giám sát kiểm tra, sát hạch; giải quyết thủ tục hành chính cấp mới, cấp đổi, cấp lại, công nhận Giấy phép điều khiển phương tiện bay cho Quân chủng Phòng không - Không quân

1. Giám sát kiểm tra, sát hạch của cơ sở đào tạo cấp Giấy phép điều khiển phương tiện bay, gồm:

- a) Kiểm tra lý thuyết kiến thức về hàng không;
- b) Sát hạch thực hành điều khiển phương tiện bay.

2. Cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy phép điều khiển phương tiện bay, gồm:

a) Cấp mới Giấy phép điều khiển phương tiện bay sau khi có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ, danh sách, kết quả kiểm tra và quyết định trúng tuyển của cơ sở đào tạo;

b) Cấp đổi Giấy phép điều khiển phương tiện bay trong trường hợp bị hư hỏng, hết hạn;

c) Cấp lại Giấy phép điều khiển phương tiện bay trong trường hợp bị mất.

3. Công nhận Giấy phép điều khiển phương tiện bay hoặc bằng, chứng chỉ quốc tế có giá trị tương đương của cá nhân sử dụng phương tiện bay tại Việt Nam.

a) Hình thức tiếp nhận trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Thời gian giải quyết 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

4. Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp cấp mới theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP;

b) Trường hợp cấp đổi, cấp lại theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 29 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP;

c) Trường hợp Công nhận Giấy phép điều khiển phương tiện bay hoặc bằng, chứng chỉ quốc tế có giá trị tương đương, thành phần hồ sơ gồm: Đơn đề nghị (theo mẫu số 2 tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này); bản sao hợp lệ Giấy phép điều khiển phương tiện bay hoặc bằng, chứng chỉ quốc tế có giá trị tương đương; Bản sao hợp lệ hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị tương đương hộ chiếu (đối với người nước ngoài).

5. Trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Bộ Tổng Tham mưu

1. Chỉ đạo Cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tổ chức triển khai thủ tục hành chính quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Chỉ đạo Cục Tác chiến:

a) Tổ chức triển khai thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều 9; hướng dẫn các quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh triển khai thủ tục hành chính quy định tại khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 9 và thực hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh 86, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai hạ tầng dịch vụ công trên Cổng thông tin điện tử tại các cơ quan, đơn vị, phục vụ công tác quản lý và thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến các nội dung quy định tại Thông tư này.

Điều 14. Các cơ quan, đơn vị

1. Tổng cục Công nghiệp quốc phòng tổ chức triển khai thủ tục hành chính quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2. Bộ Tư lệnh các quân khu triển khai thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều 9 và thực hiện nội dung quy định tại khoản 2 Điều 10, khoản 3 Điều 11; chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh thuộc quyền triển khai thủ tục hành chính quy định tại Điều 8, khoản 4 Điều 9 và thực hiện nội dung quy định tại khoản 4 Điều 10, khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

3. Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân thực hiện các nội dung liên quan tại Điều 11 và triển khai thủ tục hành chính quy định tại Điều 12 Thông tư này.

4. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội triển khai thủ tục hành chính quy định tại Điều 8, khoản 3 Điều 9 và thực hiện các nội dung liên quan tại khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

5. Các cơ quan, đơn vị trong Quân đội phối hợp thực hiện nội dung quy định tại khoản 5, 6 và khoản 7 Điều 11 Thông tư này.

Điều 15. Kinh phí thực hiện

Kinh phí để thực hiện các thủ tục hành chính, các cơ quan, đơn vị căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, lập dự toán báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2025.
2. Thông tư số 35/2017/TT-BQP ngày 12 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn đủ điều kiện bay; tiêu chuẩn, thủ tục cấp giấy phép cho cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ; khai thác tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiếp tục giải quyết theo quy định hiện hành cho đến khi kết thúc thủ tục hành chính.
2. Các giấy tờ quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư này đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục có giá trị pháp lý. Trường hợp cần cấp lại, điều chỉnh, gia hạn hoặc bị thu hồi, các tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc kịp thời phản ánh về Bộ Quốc phòng để xem xét, giải quyết. / h

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Lãnh đạo Bộ Quốc phòng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- C41, C51, C55, C56, C57, C61, C18, C89, C12, C36, C79;
- Tập đoàn CN-VTQĐ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL/BTP;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT BQP;
- Lưu: VT, NCTH. D115.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đại tướng Nguyễn Tân Cương

Phụ lục I
CÁC BIỂU MẪU

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

Mẫu số 01	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác
Mẫu số 02	Đơn đề nghị công nhận giấy phép (bằng/chứng chỉ) điều khiển phương tiện bay

h

Phụ lục II
DANH MỤC TRANG BỊ, THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN BAY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 146/2025/TT-BQP ngày 25 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Tên trang bị, thiết bị	Ghi chú
I. TÀU BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI	
1. Kết cấu thân và khí động - Khung thân UAV - Cánh UAV - Cánh đuôi, bề mặt điều khiển khí động - Càng hạ cánh - Giá đỡ tải mang (Hardpoint) - Vỏ bảo vệ và kết cấu che chắn	
2. Hệ thống động lực - Động cơ điện không chổi than (BLDC) - Bộ điều khiển động cơ (ESC) - Cánh quạt/chân vịt - Động cơ piston cho UAV - Động cơ phản lực cỡ nhỏ cho UAV	
3. Hệ thống nhiên liệu (đối với UAV động cơ đốt trong) - Bình nhiên liệu - Bơm nhiên liệu - Ống dẫn, van và bộ lọc nhiên liệu	
4. Hệ thống Năng lượng, cấp nguồn - Pin cho UAV - Bộ quản lý pin (BMS)	

h

Tên trang bị, thiết bị	Ghi chú
- Bộ phân phối nguồn/chuyển đổi DC - DC (PDU) - Bộ sạc pin UAV	
5. Hệ thống Điều khiển bay - Bộ điều khiển bay (Flight Controller) - Bộ tự động lái tích hợp (Autopilot) - Động cơ chấp hành/Servo/Cơ cấu truyền động	
6. Hệ thống Dẫn đường cảm biến - Cảm biến quán tính IMU (MEMS) - Cảm biến quán tính sợi quang/laser (FOG/RLG) - Cảm biến từ trường (La bàn) - Cảm biến áp suất/độ cao - Cảm biến tốc độ không khí - Bộ thu định vị vệ tinh GNSS - Ăng-ten GNSS - Hệ thống dẫn đường quán tính tích hợp (INS) - Mô-đun chống nhiễu GNSS	
7. Hệ thống An toàn, tránh va - Cảm biến tránh va chạm quang học - Cảm biến LiDAR tránh va chạm - Radar đo độ cao - Hệ thống thu hồi khẩn cấp tích hợp (Emergency Recovery System) - Đèn dẫn đường và đèn chống va chạm - Mô-đun nhận dạng từ xa (Remote ID)	
8. Hệ thống Tải mang - Camera quang học - Camera hồng ngoại/ảnh nhiệt	

Tên trang bị, thiết bị	Ghi chú
- Hệ thống ổn định tải mang (Gimbal) - Cơ cấu thả tải/thả hàng	
9. Hệ thống điện tử nhiệm vụ - Máy tính nhiệm vụ/máy tính xử lý trên UAV - Thiết bị lưu trữ dữ liệu công nghiệp	
10. Hệ thống liên lạc và truyền dữ liệu - Thiết bị thu - phát điều khiển UAV - Mô-đun truyền dữ liệu Telemetry - Hệ thống truyền dẫn video - Ăng-ten vô tuyến - Bộ khuếch đại và xử lý RF - Mô-đun thông tin di động (4G/5G) - Mô-đun mã hóa và liên lạc bảo mật	
11. Trạm mặt đất và thiết bị hỗ trợ - Máy tính trạm điều khiển mặt đất (GCS) - Màn hình và thiết bị điều khiển - Thiết bị định tuyến và bảo mật mạng - Máy phát điện cho trạm mặt đất - Bộ phóng và thiết bị thu hồi UAV	
II. PHƯƠNG TIỆN BAY KHÁC	
1. Khí cầu - Vỏ khí cầu (Envelope) - Giỏ treo/Khoang tải (Gondola / Payload) - Hệ thống dây treo (Suspension lines) - Hệ thống điều khiển độ cao - Hệ thống điều khiển hướng (tuỳ loại) - Van và cửa xả	

Tên trang bị, thiết bị	Ghi chú
- Hệ thống bình gas - Bình khí tăng áp - Hệ thống đánh lửa - Buồng đốt - Thiết bị phụ trợ (tùy loại) + GPS, thiết bị định vị + Hệ thống thông tin liên lạc + Cảm biến khí tượng (nhiệt độ, áp suất, độ ẩm) + Dù hãm hoặc thiết bị tự hủy (với khí cầu không thu hồi) - Hệ thống động cơ (đối với khí cầu có động cơ)	
2. Dù lượn - Cánh dù (Canopy/Wing) - Hệ thống dây dù (Lines) - Đai treo/Ghế bay (Harness) - Hệ thống đai điều khiển (Risers) - Tay phanh (Brakes/Toggles) - Dù dự phòng (Reserve Parachute) - Động cơ (Engine) đối với dù lượn có động cơ - Cánh quạt (Propeller) đối với dù lượn có động cơ - Hệ thống nhiên liệu đối với dù lượn có động cơ	
3. Điều bay - Cánh (wing) - Thân (fuselage) - Cụm đuôi (nếu có) - Động cơ: + Động cơ điện (pin Li-ion/LiPo) hoặc Động cơ đốt trong (xăng).	

Tên trang bị, thiết bị	Ghi chú
+ Cánh quạt (propeller) + Hệ thống truyền động: Trục, hộp số (nếu có). + Nguồn năng lượng: Pin, bình nhiên liệu - Hệ thống điều khiển bay + Bộ điều khiển bay (Flight Controller) + Cơ cấu chấp hành (servo/ESC) + Bề mặt điều khiển + Aileron (lăn) + Elevator (chúi/ngóc) + Rudder (hướng) + Hoặc dây điều khiển (đôi với cánh mềm). - Hệ thống dẫn đường - thông tin (tùy loại) + GPS/GNSS + La bàn, con quay hồi chuyển, gia tốc kế + Thiết bị liên lạc: Bộ thu - phát điều khiển, telemetry. - Hệ thống hạ cất cánh + Bánh đáp/phao/càng trượt + Thiết bị phóng, dù hạ cánh.	
4. Tắc xi bay” (Flying Taxi/eVTOL) - Thân tàu bay - Cánh chính (nếu là eVTOL lai cánh bằng) - Cánh/quạt nâng thẳng đứng - Càng đáp - Động cơ điện - Quạt nâng/cánh quạt (rotor, ducted fan) - Bộ điều khiển động cơ (motor controller) - Cơ cấu nghiêng cánh/quạt (tilt system - nếu có) - Pin (Li-ion/LiPo/solid-state)	

Tên trang bị, thiết bị	Ghi chú
- Hệ thống quản lý pin (BMS) - Bộ phân phối và chuyển đổi điện năng - Máy tính điều khiển bay (Flight Control Computer) - Cảm biến bay: con quay, gia tốc, áp suất - Cơ cấu chấp hành (actuator, servo) - GNSS/GPS - INS (quán tính) - Radar/laser đo độ cao - Bản đồ số, định vị đô thị - Liên lạc điều khiển không lưu (ATM/UTM) - Liên lạc dữ liệu - telemetry - Liên lạc hành khách - mạng nội bộ - Dù khẩn cấp toàn tàu - Hệ thống dự phòng (redundancy) - Phát hiện - tránh va chạm (Detect & Avoid) - Chống cháy, quản lý sự cố pin - Buồng lái (có người lái hoặc tự động) - Giao diện người - máy (HMI) - Ghế, dây an toàn - Điều hòa, giảm ồn - Trạm sạc/đổi pin - Vertiport (bến đỗ VTOL) - Hệ thống quản lý đội bay	

h

Mẫu số 01

Ban hành kèm theo Thông tư số 146/2025/TT-BQP
ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Bộ Quốc phòng

.....
.....(1).....

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(2)....., ngày ... tháng ... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác

Căn cứ Luật Đầu tư năm

Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay khác.

Xem xét đề nghị tại Văn bản số: ngày .../.../..... của(4)..... kèm theo hồ sơ về việc chấp thuận điều kiện cơ sở kinh doanh....., cụ thể:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; do cấp ngày ... tháng ... năm.....(nếu có)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: do cấp ngày.... tháng năm.....

- Chủ sở hữu:

- Địa điểm trụ sở cơ sở kinh doanh:(5).....

- Người đại diện theo pháp luật:; Số CCCD (Hộ chiếu):, Ngày cấp:/...../.....;

Đơn vị cấp:

- Ngành nghề kinh doanh:(3).....

.....(1)..... xác nhận:

1.(4)..... đủ điều kiện kinh doanh:.....(3).....

2. Yêu cầu(4).....

- Thực hiện đúng các cam kết trong hồ sơ đề nghị chấp thuận điều kiện kinh doanh.

- Chấp hành nghiêm các quy định về kinh doanh và duy trì điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam./.

.....(6).....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính
- Công an tỉnh...;
- Lưu: VT,

Cấp bậc Họ và tên (người ký)

(1) Tên Bộ CHQS cấp tỉnh (thành phố)

(2) Địa danh cấp tỉnh

(3) Loại ngành nghề kinh doanh

(4) Tên cơ sở kinh doanh

(5) Địa chỉ đặt cơ sở kinh doanh theo Đơn đề nghị

(6) Chức vụ của người ký

Mẫu số 02
Ban hành kèm theo Thông tư số 146/2025/TT-BQP
ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Bộ Quốc phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN ...(1)...ĐIỀU KHIỂN UAV

Kính gửi:(2).....

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số hộ chiếu/CCCD: Cấp ngày: Nơi cấp:
5. Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam:
6. Điện thoại: Email:

II. THÔNG TIN CHỨNG CHỈ UAV DO NƯỚC NGOÀI CẤP

1. Tên Chứng chỉ (giấy phép/bằng):
2. Số chứng chỉ:
3. Cơ quan/tổ chức cấp:
4. Quốc gia cấp:
5. Ngày cấp: Ngày hết hạn:
6. Phạm vi/loại UAV được phép điều khiển (nếu có):

III. MỤC ĐÍCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN

1. ☐ Thương mại;
2. ☐ Phục vụ sản xuất nông nghiệp;
3. ☐ Đo đạc, khảo sát, giám sát từ trên cao;
4. ☐ Vui chơi, giải trí;
5. ☐ Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
6. ☐ Huấn luyện bay;
7. ☐ Công vụ;
8. ☐ Mục đích khác (ghi rõ)...(3).....

(Tích dấu X vào ô tương ứng với mục đích sử dụng)

Địa điểm, thời gian dự kiến hoạt động UAV tại Việt Nam:.....

IV. CAM KẾT

Tôi cam kết:

1. Các thông tin kê khai trong đơn là đúng sự thật;
2. Tuân thủ đầy đủ pháp luật Việt Nam về quản lý, sử dụng tàu bay không người lái;
3. Chỉ sử dụng UAV đúng mục đích, phạm vi, thời gian được cơ quan có thẩm quyền cho phép;
4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, công nhận chứng chỉ điều khiển UAV do nước ngoài cấp để tôi được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Xin trân trọng cảm ơn!

Ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Hướng dẫn

- (1) Tên: Chứng chỉ (hoặc bằng, giấy phép)
- (2) Tên đơn vị được giao công nhận chứng chỉ/bằng/giấy phép
- (3) Ghi mục đích sử dụng UAV tại Việt Nam (ngoài các nội dung từ 1 đến 7 mục III)

